

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công
nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 3391/TTr-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hoá – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2025.

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ chi tiết danh mục và kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2025 và Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2025, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung

a) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 và Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của

Hội đồng nhân dân tỉnh, nhưng có điều chỉnh, bổ sung danh mục và kế hoạch vốn của các dự án cho phù hợp với tình hình triển khai thực tế.

b) Việc điều chỉnh tăng, giảm mức vốn phân bổ cho từng dự án không làm thay đổi tổng các nguồn vốn đã được phân bổ.

2. Điều chỉnh trong phạm vi Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 và Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

a) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 11 dự án để bổ sung danh mục và tăng kế hoạch vốn cho 16 dự án (trong đó, có 01 nội dung ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội và 15 dự án chuẩn bị đầu tư); với tổng số vốn điều chỉnh là 130.200 triệu đồng; trong đó: tăng, giảm 85.979 triệu đồng;

b) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn Xổ số kiến thiết: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 04 dự án; bổ sung danh mục và kế hoạch vốn cho 44 dự án (41 dự án triển khai thực hiện và 03 dự án chuẩn bị đầu tư); 01 nội dung tất toán, quyết toán; 01 nội dung hỗ trợ thực hiện các dự án hoàn thành năm 2025 trên địa bàn tỉnh sử dụng nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và 01 nội dung hỗ trợ Chương trình Xây dựng nông thôn mới, với tổng số vốn điều chỉnh 1.077.477 triệu đồng; trong đó: tăng, giảm 844.354 triệu đồng;

c) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư nguồn Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Bổ sung danh mục của 01 dự án; điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 07 dự án để điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho 10 dự án, với tổng số vốn điều chỉnh là 36.728 triệu đồng; trong đó: giảm 16.498 triệu đồng; tăng 17.018 triệu đồng (bao gồm tăng 520 triệu đồng được bổ sung theo Quyết định số 864/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của các địa phương tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ).

3. Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương để ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội và triển khai thực hiện 01 dự án, với số vốn 73.481 triệu đồng.

4. Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn từ nguồn giảm chi thường xuyên năm 2025 để tăng chi đầu tư: Triển khai thực hiện 01 dự án, với số vốn 77.577 triệu đồng.

5. Bổ sung danh mục của 06 dự án và tăng kế hoạch vốn từ nguồn tăng thu Xổ số kiến thiết năm 2024 chuyển sang năm 2025 cho 09 dự án, với tổng số vốn 350.118 triệu đồng.

(Nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2025 tại Phụ lục I, II, III và IV ban hành kèm theo Nghị quyết này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre Khóa X, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 6 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC –Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- Kiểm toán nhà nước KV IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT UBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH BẾN TRE NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG	<u>1.243.885</u>	<u>1.244.405</u>	<u>947.351</u>	<u>946.831</u>	
	Điều chỉnh trong phạm vi Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 và Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh	1.243.885	1.244.405	947.351	946.831	
I	Điều chỉnh, bổ sung đối với nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg	130.200	130.200	85.979	85.979	
I.1	Thực hiện dự án	123.949	42.574	-	81.375	
1	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận	25.174	2.827		22.347	Giảm vốn do kết thúc dự án, hết nhu cầu sử dụng vốn
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp Tân Thành Bình, huyện Mô Cày Bắc	53.500	33.500		20.000	Giảm vốn phù hợp với kế hoạch giao trung hạn
3	Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Bến Tre đến năm 2030, định hướng đến năm 2050	10.000	120		9.880	Giảm vốn tạm dừng thực hiện các quy hoạch do chủ trương thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
4	Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy quân sự và nhà ở dân quân xã, phường, thị trấn (giai đoạn 2)	15.000	1.000		14.000	Giảm vốn do tạm dừng triển khai theo Kết luận 127-KL/TW ngày 28/2/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị
5	Xây dựng 41 trụ sở công an xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre	13.000	3.000		10.000	Giảm vốn do tạm dừng triển khai theo Kết luận 127-KL/TW ngày 28/2/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị
6	Khu hành chính xã An Phú Trung	4.000	2.000		2.000	Giảm vốn do tạm dừng triển khai theo Kết luận 127-KL/TW ngày 28/2/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị
7	Bố trí vốn thực hiện công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch (bao gồm quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành)					
7,1	<i>Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) khu công nghiệp An Nhơn, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre</i>	2.575	127		2.448	<i>Giảm vốn cho phù hợp với tiến độ thực hiện dự án</i>
7,2	<i>Lập Quy hoạch chi tiết 1/500 cụm công nghiệp Sơn Quy - Thị trấn</i>	700	-		700	<i>Giảm vốn do kết thúc dự án, hết nhu cầu sử dụng vốn</i>
1.2	BỔ SUNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ ỦY THÁC QUA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI - CHI NHÁNH TỈNH BẾN TRE		81.208	81.208		

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
I.3	HỖ TRỢ HỢP TÁC XÃ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỢP TÁC XÃ	5.751	1.647	-	4.104	
1	<i>Đầu tư kết cấu hạ tầng và trang thiết bị phục vụ chế biến sản phẩm Hợp tác xã nông nghiệp Phú Ngãi - Ba Tri</i>	3.844	-		3.844	<i>Giảm vốn do tạm dừng thực hiện dự án</i>
2	<i>Đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ chế biến sản phẩm Hợp tác xã nông nghiệp Bưởi da xanh Bến Tre - Châu Thành</i>	1.907	1.647		260	<i>Giảm vốn cho phù hợp với tổng mức đầu tư được phê duyệt</i>
I.4	Chuẩn bị đầu tư	500	4.771	4.771	500	
1	Khu Tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Phú Thuận (giai đoạn 2)	500	-		500	Giảm vốn CBĐT do đã được phân bổ kinh phí đầu năm
2	Đường DX.04, xã Vĩnh Bình, huyện Chợ Lách		80	80		Bổ sung danh mục để hoàn tất thủ tục đầu tư
3	Trường Mẫu giáo Phú Long, huyện Bình Đại		609	609		Bổ sung danh mục để thanh toán các chi phí chuẩn bị đầu tư
4	Trường THCS Phú Long, huyện Bình Đại		465	465		Bổ sung danh mục để thanh toán các chi phí chuẩn bị đầu tư
5	Trường TH Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc		357	357		Bổ sung danh mục để thanh toán các chi phí chuẩn bị đầu tư
6	Trường Mẫu giáo Thạnh Ngãi, huyện Mỏ Cày Bắc		461	461		Bổ sung danh mục để thanh toán các chi phí chuẩn bị đầu tư
7	Trường Mẫu giáo Thành Thới B		305	305		Bổ sung danh mục để thanh toán các chi phí chuẩn bị đầu tư
8	Trường TH Thành Thới B		320	320		Bổ sung danh mục để thanh toán các chi phí chuẩn bị đầu tư



STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
9	Trường TH Đa Phước Hội		154	154		Bổ sung danh mục để thanh toán các chi phí chuẩn bị đầu tư
10	Đường DX.05 (Đoạn từ giáp QL.57 đến giáp đường DX.01), xã Bình Thới, huyện Bình Đại		10	10		Bổ sung danh mục để thanh toán các chi phí chuẩn bị đầu tư
11	Tuyến đường kết nối giữa ĐT.886 với 02 xã Thừa Đức và Thới Thuận, huyện Bình Đại		10	10		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để hoàn tất thủ tục đầu tư
12	Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư An Điền		100	100		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để hoàn tất thủ tục đầu tư
13	Nâng cấp QL.57 đoạn từ giao với đường vào cầu Đinh Khao (Km11+270), huyện Chợ Lách đến giao điểm đầu QL.57B (Km 20+300 của lý trình QL.57).		400	400		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để hoàn tất thủ tục đầu tư
14	Nâng cấp QL.57 đoạn từ thị trấn Mỏ Cày đến Khâu Băng (Km49+650 – Km103+283		500	500		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để hoàn tất thủ tục đầu tư
15	Nâng cấp QL.57C đoạn từ giáp QL.57B, huyện Châu Thành đến vòng xoay Tân Thành, thành phố Bến Tre.		500	500		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để hoàn tất thủ tục đầu tư
16	Dự án cầu Hàm Luông 3 và nâng cấp, mở rộng các đoạn tuyến trên Quốc lộ 60 (Hàm Luông - Cỏ Chiên)		500	500		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để hoàn tất thủ tục đầu tư

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
II	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn Xã số kiến thiết	1.077.477	1.077.477	844.354	844.354	
II.1	Thực hiện dự án	1.077.477	1.071.477	838.354	844.354	
I	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận	268.154	156.500		111.654	Giảm vốn do kết thúc dự án, hết nhu cầu sử dụng vốn
2	Xây dựng cầu Ba Lai 8 trên tuyến đường bộ ven biển tỉnh Bến Tre	593.882	23.882		570.000	Giảm vốn do kết thúc dự án, hết nhu cầu sử dụng vốn
3	Dường gom Đường vào Cầu Rạch Miễu 2	162.074	42.074		120.000	Giảm vốn do kết thúc dự án, hết nhu cầu sử dụng vốn
4	Xây dựng 41 trụ sở công an xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre	40.000	-		40.000	Tạm dừng triển khai theo chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã
5	Bổ trí vốn kế hoạch để tái tạo, quyết toán, thanh toán khối lượng các công trình hoàn thành					
5.1	Hệ thống thủy lợi nam Bến Tre		5.757	5.757		Hoàn trả ngân sách Trung ương và thanh toán quyết toán chi phí đền bù GPMB
5.2	Hoàn thiện hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn 06 xã thuộc thành phố Bến Tre		105	105	105	Thanh quyết toán công trình

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
5.3	Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre		408	408		Thanh toán quyết toán chi phí đền bù GPMB
5.4	Ban Chỉ huy quân sự huyện Giồng Trôm		227	227		Tắt toán công trình
5.5	Ban Chỉ huy quân sự huyện Mô Cày (Mô Cày Nam)		227	227		Tắt toán công trình
5.6	Kho đạn Bộ CHQS tỉnh Bến Tre		253	253		Tắt toán công trình
5.7	Trường Quân sự - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bến Tre		197	197		Chi phí kiểm toán và thẩm tra phê duyệt quyết toán
5.8	Nhà truyền thống LLVT nhân dân Bến Tre		370	370		Chi phí kiểm toán và thẩm tra phê duyệt quyết toán
5.9	Trung bày nội thất - Nhà Truyền thống LLVT nhân dân Bến Tre		250	250		Chi phí kiểm toán và thẩm tra phê duyệt quyết toán
5.10	Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch các xã ven sông Tiền (giai đoạn 2)		200	200		Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán
6	Hỗ trợ thực hiện các dự án hoàn thành năm 2025 trên địa bàn tỉnh sử dụng nguồn NSTW thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới					-

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Tổng cộng	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025		Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
				Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
6.1	Huyện Mò Cày Nam				-	
	Dường DX.05 (đoạn từ tuyến tránh QL.60 đến giúp ranh xã Hòa Lộc), xã Tân Hội	4.651	4.651	4.651		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành, kết thúc năm 2025
	Dường DX.04 (đoạn từ HL.17 đến Kenh đông), xã Thành Thới B	8.017	8.017	8.017		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành, kết thúc năm 2025
	Xây dựng đường DX.04 (đoạn từ đường dân vào cầu Cỏ Chiên (QL.60 mới) đến HL.17), xã Thành Thới A	1.804	1.804	1.804		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành, kết thúc năm 2025
	Trung tâm văn hóa, thể thao huyện Mò Cày Nam	4.748	4.748	4.748		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành, kết thúc năm 2025
6.2	Huyện Thanh Phú					
	Năng cấp mở rộng huyện lộ 27 (đoạn từ Quốc Lộ 57 đến sông Cỏ Chiên), huyện Thanh Phú	6.600	6.600	6.600		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành, kết thúc năm 2025
6.3	Huyện Mò Cày Bắc					
	Dường DX.04 (đoạn từ đường DH.20 - DX.01) xã Khánh Thanh Tân	4.402	4.402	4.402		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành, kết thúc năm 2025
6.4	Huyện Bình Đại					

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	Nâng cấp, mở rộng mặt đường, xây dựng hệ thống thoát nước, bố via đường trung tâm xã Phú Vang, huyện Bình Đại		5.644	5.644		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành, kết thúc năm 2025
7	Hệ thống xử lý nước thải Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Phong Năm		20.000	20.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
8	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển vùng cây ăn trái khu vực xã Sơn Định - Vĩnh Bình - Phú Phụng, huyện Chợ Lách		40.000	40.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
9	Xây dựng cầu Ba Lai 6 trên tuyến đường Bắc Nam (ĐT.DK08) liên huyện Bình Đại - Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre		120.000	120.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
10	Đường ĐC.05 (điểm đầu từ ĐH.10, điểm cuối đường ĐA.03), xã Bình Thành		5.000	5.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
11	Nâng cấp đường ĐH.DK.05 (đoạn từ HL.10 đến cống Vàm Hồ), huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre		9.000	9.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
12	Nâng cấp tuyến đê Bảy Đầm kết hợp đường giao thông xã An Điền, huyện Thạnh Phú		9.000	9.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
13	Cầu Tân Mỹ, xã Tân Mỹ		3.118	3.118		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
14	Hoàn chỉnh tuyến Đê bao ngăn mặn ven sông Hàm Luông (đoạn từ cống Sơn Đốc 2 đến cống Cái Mít)		10.000	10.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
15	Đường giao thông kết hợp đê chống lũ, xâm nhập mặn các xã Tân Thành Bình - Thạnh Ngãi - Phú Mỹ, huyện Mô Cày Bắc (giai đoạn 2)		8.000	8.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
16	Đường vào Trung tâm xã An Hóa, huyện Châu Thành		8.676	8.676		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
17	Dự án Nâng cấp Trung tâm Giồng và Hoa kiểng tỉnh Bến Tre (cơ sở 2)		8.000	8.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
18	Mở rộng, nâng cấp nhà máy nước Ngãi Đăng		7.000	7.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
19	CSHT phục vụ du lịch cồn ngoài xã Bảo Thuận (đường ĐX.02, xã Bảo Thuận)		8.000	8.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
20	Đường ĐX.01 (đoạn nối từ tuyến QL.60 mới đến cầu Bảy Đơ xã An Thới), xã Thành Thới A, huyện Mô Cày Nam		10.000	10.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
21	Đường ĐA.04 (đoạn nối từ tuyến QL.57 đến tiếp giáp đường ĐX.01), xã Ngãi Đăng, huyện Mô Cày Nam		10.000	10.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
22	Nâng cấp đường vào cảng Giao Long đoạn từ vòng xoay quốc lộ 57B đến vòng xoay ĐT.DK.07		8.000	8.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
23	Nâng cấp, thảm bê tông nhựa nóng ĐT.886 (Đoạn từ giáp QL.57B đến UBND xã Thừa Đức) và 02 cầu trên tuyến đường vào cầu Cống Bể Lớn		25.000	25.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
24	Cầu Đông Kinh, huyện Chợ Lách		10.000	10.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
25	Đầu tư xây dựng công Vàm Mơn và hạ tầng kết nối thuộc xã Phú Sơn, huyện Chợ Lách		68.000	68.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
26	Nâng cấp đường xã và ĐH.16 đoạn từ cuối tuyến kết nối gói thầu xây lắp số 3 thuộc dự án Cầu Ba Lai 8 đến UBND xã Tân Xuân; □		25.000	25.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
27	ĐH 25 đoạn từ trung tâm UBND xã Mỹ Hưng đến giáp ĐH.92		10.000	10.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
28	Cầu Vàm Thù trên tuyến ĐH.30 huyện Thạnh Phú và 02 đường dẫn vào cầu		25.000	25.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
29	Nâng cấp, mở rộng, hệ thống thoát nước đường Giồng Nhỏ (giai đoạn 2) xã Phú Thuận		8.000	8.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
30	Đường huyện ĐH.04 (đoạn từ đường Huỳnh Tấn Phát đến giáp dự án Đường vào Trung tâm xã An Hóa cũ (nay là xã An Phước)), huyện Châu Thành		8.000	8.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
31	Đường huyện ĐH.01 (đoạn từ nghĩa trang liệt sỹ huyện đến đường vào cầu Rạch Miễu 2), huyện Châu Thành.		8.000	8.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
32	Trạm bơm cấp nước cho tuyến ống khu vực Cù Lao Minh và kết nối các Nhà máy nước		20.000	20.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
33	Tuyến đê ngăn mặn từ sông Tân Hương đến Cái Bè Cạn, huyện Mỏ Cày Nam		78.000	78.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
34	Đường ĐX.03 (đường Giồng Giữa), xã Phú Thuận, huyện Bình Đại		7.000	7.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
35	Cải tạo, nâng cấp đường Huyện lộ 22 (đoạn nối từ cầu 17/1 mới đến bến đò Phước Lý), xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày Nam		20.000	20.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
36	Cầu Rạch Bần trên ĐH.22, huyện Mỏ Cày Nam		5.000	5.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
37	Gia cố mặt đê đoạn từ cống đập Ba Lai đến Bến đò Thủ và đoạn từ cống Đường Khai đến giao với dự án cầu Ba Lai 8 (bao gồm cầu cống trên tuyến)		10.000	10.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
38	Đường ĐX.01, xã Bình Thắng, huyện Bình Đại		5.000	5.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
39	ĐH.DK.14 (đoạn từ ĐH.03 đến vòng xoay Hữu Định), huyện Châu Thành		16.000	16.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
40	Đường từ QL.57 đến đê bao Tân Thành Bình - Thạnh Ngãi - Phú Mỹ (ĐT.DK.09), huyện Mỏ Cày Bắc		10.000	10.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
41	ĐH.DK.02 (Từ ĐH.12 cầu kênh Tự Cháy đến ranh huyện Giồng Trôm), xã An Phú Trung, huyện Ba Tri		10.000	10.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện



STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
42	Gia cố xử lý sạt lở bờ sông khu làng nghề truyền thống cây giồng, hoa kiểng xã Phú Sơn, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre		30.000	30.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
43	Xử lý sạt lở bờ sông Ba Lai, khu vực huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre		30.000	30.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
44	Gia cố xử lý sạt lở bờ biển khu vực huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre		30.000	30.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
45	Gia cố xử lý sạt lở bờ sông khu vực xã Vĩnh Bình huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre		30.000	30.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
46	Hỗ trợ Chương trình Xây dựng Nông thôn mới					
46.1	Trung tâm hành chính xã Thành Thới A	6.700	5.400		1.300	Dự án hoàn thành hết nhu cầu vốn tình
46.2	Trung tâm hành chính xã Đa Phước Hội	6.667	5.267		1.400	Dự án hoàn thành hết nhu cầu vốn tình
46.3	Xây dựng đường DH.DK.43 (đoạn từ QL.57 đến QL.60 mới)		22.700	22.700		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
II.2	Chuẩn bị đầu tư		6.000	6.000		
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2)		2.000	2.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để Chuẩn bị đầu tư
2	Đường D5A (Đoạn từ cầu Rạch Vong đến Quốc lộ 57C)		2.000	2.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để Chuẩn bị đầu tư

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
3	Đại lộ Đông Tây (Giai đoạn 2)		2.000	2.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để Chuẩn bị đầu tư
III	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSTW thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	36.208	36.728	17.018	16.498	
1	Huyện Chợ Lách					
(1)	Tuyến từ huyện lộ 35 đến nhà thờ Quảng Ngãi, ấp Vĩnh Nam - Đông Nam, xã Vĩnh Thành	488			488	Huyện đầu tư từ nguồn vốn khác
(2)	Đường ĐC.24 (Tuyến từ Tám Duyên đến Hồng Châu), ấp Vĩnh Nam, xã Vĩnh Thành		488	488		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện
2	Huyện Thạnh Phú					
(1)	Nâng cấp mở rộng huyện lộ 27 (đoạn từ Quốc Lộ 57 đến sông Cổ Chiên), huyện Thạnh Phú	506	2.369	1.863		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Huyện Giồng Trôm					
(1)	Đường ĐA.03 (Xóm Rẫy ấp Linh Phụng), xã Long Mỹ	772	1.325	553		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
(2)	Trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã Hưng Nhượng	1.717	1.630		87	Dự án hoàn thành hết nhu cầu vốn tính
4	Huyện Bình Đại					
(1)	Nâng cấp, mở rộng mặt đường, xây dựng hệ thống thoát nước, bó vỉa đường trung tâm xã Phú Vang, huyện Bình Đại	4.366	6.353	1.987		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
5	Thành phố Bến Tre					

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
(1)	ĐA.12 (tuyến lộ nối Giồng Trám - Nhơn Thạnh), xã Phú Nhuận	2.796	2.673		123	Dự án hoàn thành hết nhu cầu vốn tính
(2)	Đường ĐA.08 (Lộ tổ 13, ấp An Thuận A), xã Mỹ Thạnh An	385	702	317		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
6	Huyện Mô Cày Bắc					
(1)	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.03 (đoạn từ ĐH.DK.38 - giáp xã Phú Sơn và nhánh rẽ giáp xã Vĩnh Hòa), xã Phú Mỹ	1.846	4.920	3.074		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
(2)	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐH.34 (đoạn từ ranh Chợ Lách đến UBND xã Thạnh Ngãi - giai đoạn 1)	3.000	6.020	3.020		Bổ sung vốn để triển khai thực hiện (bao gồm bổ sung 520 triệu đồng theo Quyết định số 864/QĐ-TTg ngày 05/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ)
(3)	Cải tạo Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Mô Cày Bắc	2.500			2.500	Giảm vốn do dừng thực hiện dự án
7	Huyện Mô Cày Nam					
(1)	Đường ĐA.01 (đoạn từ QL.57 đến giáp ranh xã Hòa Lộc), xã Tân Hội	1.143	1.933	790		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
(2)	Nhà Văn hóa xã Thành Thới B	2.479	179		2.300	Giảm vốn do kết thúc dự án, hết nhu cầu sử dụng vốn
(3)	Xây dựng đường ĐX.04 (đoạn từ đường dẫn vào cầu Cổ Chiến (QL.60 mới) đến HL.17), xã Thành Thới A	3.000	5.996	2.996		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
(4)	Đường ĐA.01 (đoạn từ đường tránh QL.60 đến giáp cầu Cây Dương), xã Đa Phước Hội	210	2.140	1.930		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
(5)	Xây dựng đường ĐH.DK.43 (đoạn từ QL.57 đến QL.60 mới)	1.000			1.000	Giảm danh mục; đầu tư nguồn XSKT thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
8	Hỗ trợ thực hiện mô hình thí điểm thuộc Chương trình môi xã một sản phẩm (OCOP)	10.000			10.000	Giảm vốn theo Quyết định số 281/QĐ-BNN-VPDP ngày 14/01/2025 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



Phụ lục II
BỔ SUNG DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2025 TỪ NGUỒN VỐN TĂNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08 /2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	<u>TỔNG CỘNG</u>		<u>73.481</u>	<u>73.481</u>		
I	BỔ SUNG NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ ỦY THÁC QUA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI - CHI NHÁNH TỈNH BẾN TRE		58.481	58.481		
II	Thực hiện dự án		15.000	15.000		
1	Xây dựng CSHT Khu Tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Phú Thuận (giai đoạn 2)		15.000	15.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện

Phụ lục III

BỔ SUNG DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2025 TỪ NGUỒN GIẢM CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025 ĐỂ TĂNG CHI ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG		<u>77.577</u>	<u>77.577</u>		
I	BỔ SUNG VỐN TỪ NGUỒN GIẢM CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025 ĐỂ TĂNG CHI ĐẦU TƯ		77.577	77.577		
1	Xây dựng cầu Ba Lai 6 trên tuyến đường Bắc Nam (ĐT.DK08) liên huyện Bình Đại - Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre		77.577	77.577		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện

Phụ lục IV

BỔ SUNG DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2025 TỪ NGUỒN VỐN TĂNG THU XỐ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2024 CHUYỂN SANG NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08 /2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>5.600</u>	<u>355.718</u>	<u>350.118</u>		
	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT năm 2024 chuyển sang năm 2025 để triển khai các dự án trọng điểm, bức xúc	5.600	355.718	350.118		
1	Trường Mẫu giáo Thành Thới A	2.000	32.000	30.000		Thực hiện dự án
2	Bệnh viện Phổi	1.800	41.800	40.000		Thực hiện dự án
3	Bệnh viện Tâm thần	1.800	41.800	40.000		Thực hiện dự án
4	Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu		80.000	80.000		Thực hiện dự án
5	Mua sắm thiết bị văn phòng - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bến Tre		50.000	50.000		Thực hiện dự án
6	Đường quanh Bệnh viện Đa khoa tỉnh		53.418	53.418		Thực hiện dự án
7	Đường dây và trạm biến áp 1600 kVA Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu		10.000	10.000		Thực hiện dự án

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2025			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1.	2	3	4	5	6	7
8	Cải tạo, nâng cấp cảng cá Bình Đại và đầu tư bổ sung một số hạng mục công trình cho Cảng cá Ba Tri mới		40.000	40.000		Thực hiện dự án
9	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Dự án xây dựng Cầu Đình Khao		6.700	6.700		Thực hiện dự án

